TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **301**/2023/QĐST - HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 244/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19/9/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Nông Thanh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nông Thị L và bị đơn anh Nông Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nông Tiến Đ, sinh ngày 03/10/2018 và cháu Nông Khải N, sinh ngày 20/01/2021 cho anh Nông Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01 con chung/tháng. Tổng mức cấp dưỡng chị Nông Thị L phải thực hiện là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)02 con chung/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ theo hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi các cháu Nông Tiến Đ và Nông

Khải N đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nông Thanh H nếu chị Nông Thị L chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị L phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Nông Thị L phải nộp là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); bị đơn anh Nông Thanh H phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên cả nguyên đơn chị Nông Thị L và bị đơn anh Nông Thanh H đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- UBND xã X (Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 28/11/2016);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San